| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN P**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/2019
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị G,** sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: X tổ Y, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long – Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T** (H), sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nguyên đơn – bà Trương Thị G trình bày*: bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống do có mâu thuẫn về sinh hoạt cá nhân và chăm sóc con cái, ông T không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Ông bà có một người con chung là Nguyễn Bảo K (nam) sinh ngày 21/12/2013, bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu tiền cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Thị G và ông Nguyễn Văn T xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 152 ngày 01/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 07/11/2018 bà G yêu cầu ly hôn, quyền nuôi con; bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Ông T đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/5/2019, ngày 18/7/2019 nhưng ông T không đến tham dự nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 04/9/2019 do bị đơn không đến, vì vậy, ngày 02/10/2019 bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo bà G trình bày vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không muốn con chứng kiến cảnh cha mẹ cãi nhau và ảnh hưởng đến tương lai sau này, bà đã về nhà cha mẹ ruột hơn hai năm. Trong thời gian ly thân hai bên vẫn không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, khi bà G yêu cầu ly hôn thì ông T cũng không thể hiện ý kiến bằng văn bản hay đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, tìm biện pháp hàn gắn cho vợ chồng đoàn tụ. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, G đỡ nhau về mọi mặt, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn giữa bà G và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

[4] Về con chung, ông T và bà G có 01 người con chung là Nguyễn Bảo K (nam) sinh ngày 21/12/2013, bà G có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Tuy chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn về vấn đề nuôi con chung nhưng cháu K từ nhỏ đã sinh sống ổn định bên bà G, cần giao con cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng nhằm tránh gây xáo trộn cuộc sống của con chung. Đối với vấn đề cấp dưỡng, bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn trình bày không có, bị đơn không có ý kiến yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị G với ông Nguyễn Văn T.

- *Về con* chung: giao Nguyễn Bảo K (nam) sinh ngày 21/12/2013 cho bà Trương Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* chưa xem xét giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà G nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 005304 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

***Liêng Thị Hồng Hoa***

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THADS H. P;
- UBND xã G;
- Lưu HS (2b).